TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SA THẦY** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-9-2023.
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng S và ông A W.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Y H, sinh năm 1999. Có mặt.
Địa chỉ: Làng T, xã Y, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.
-Bị đơn: Anh A T, sinh năm 1997. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn G, xã R, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.
- Người làm chứng:
+ Chị Y K, sinh năm 2004. Có mặt.
+ Chị Y H, sinh năm 1996. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Làng T, xã Y, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2023 và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Y H trình bày:

Qua một thời gian tìm hiểu chị và anh A T tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Rờ Kơi, huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh T thường xuyên nhậu nhẹt và chửi bới vợ con, anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần H giải, bản thân chị đã khuyên ngăn và tha thứ nhưng anh A T không thay đổi lối sống để xây dựng hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không

thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, mạnh ai người ấy sống. Nay chị Y H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh A T được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là A Tí, sinh ngày 11/10/2015 và Y Típ, sinh ngày 27/8/2017. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tôi yêu cầu giao A Tí cho anh A T trực tiếp nuôi dưỡng và tôi trực tiếp nuôi Y Típ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án A T không đến Tòa án để giải quyết và tại giấy khai sinh của con chung cũng chưa cải chính bổ sung tên cha vào trong giấy khai sinh của con do A T không hợp tác.Tại phiên tòa tôi xin rút phần yêu cầu về việc giải quyết con chung, việc yêu cầu giải quyết về con chung tôi sẽ yêu cầu giải quyết sau. Việc rút yêu cầu giải quyết về con chung của tôi là hoàn toàn tự nguyện.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía bị đơn anh A T:* Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng nhưng A T từ chối nhận nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải, giấy triệu tập nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ gì và cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật. Do đó không có ý kiến trình bày của anh T trong hồ sơ vụ án.

- Người làm chứng chị Y H trình bày: Trong cuộc sống hàng ngày thì A T hay rượu chè, chửi bới vợ con và không tu chí làm ăn để nuôi sống gia đình. Hai bên gia đình cũng đã từng H giải nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì lại chứng nào tật đó. Đến năm 2019 thì Y H về sống ở nhà mẹ tại Làng T, xã Y, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Lỗi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh T chị H hoàn toàn do anh T gây ra.

- Người làm chứng chị Y K trình bày: Tôi ở chung nhà với vợ chồng anh T và chị H nên tôi được chứng kiến nhiều lần anh T đi nhậu về thì chửi bới, xúc phạm chị H. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh T và chị H là do anh T thường xuyên say rượu và không lo làm ăn. Lỗi chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh T chị H hoàn toàn do anh T gây ra. Hiện nay, anh T và chị H đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải theo quy định, việc cấp, gửi và niêm yết các văn

bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đầy đủ. Thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh A T. Đối với người làm chứng Y H vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với người làm chứng.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 19; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y H.

Về con chung: Có 02 con chung tên là A Tí, sinh ngày 11/10/2015 và Y Típ, sinh ngày 27/8/2017. Tại phiên tòa, Y H xin rút yêu cầu về việc giải quyết con chung, việc yêu cầu giải quyết về con chung Y H sẽ yêu cầu giải quyết sau. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của chị Y H đình chỉ giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Y H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Chị Y H được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Y H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy giải quyết ly hôn với anh A T có nơi cư trú tại Thôn G, xã R, huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum.

Đối với bị đơn anh A T, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho A T nhưng A T từ chối nhận nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng anh A T vắng mặt không lý do. Như vậy, anh A T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt đối với anh A T.

Đối với người làm chứng Y H vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với người làm chứng Y H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y H và anh A T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Rờ Kơi, huyện Sa Thầy, tỉnh KonTum vào ngày 01/11/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh T thường xuyên nhậu nhẹt và chửi bới vợ con, anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần H giải, bản thân chị đã khuyên ngăn và tha thứ nhưng anh A T không thay đổi lối sống để xây dựng hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được,vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, mối quan hệ vợ chồng đã hoàn toàn chấm dứt.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh A T nhưng anh T từ chối nhận và Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh A T không đến Tòa án làm việc, điều này chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị Y H. Ngoài ra, những người làm chứng xác nhận: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh A T thường xuyên nhậu nhẹt và chửi bới vợ con, anh A T chị Y H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, lỗi để xảy ra mâu thuẫn vợ chồng hoàn toàn do A T . Tại phiên tòa, chị Y H xác định không còn tình cảm với anh A T nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H là có căn cứ. Cần áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y H, xử cho chị H được ly hôn anh A T.

[2.2] Về con chung:

Đối với con chung tên là A Tí, sinh ngày 11/10/2015 và Y Típ, sinh ngày 27/8/2017. Tại phiên tòa, Y H xin rút phần yêu cầu về việc giải quyết con chung và việc yêu cầu giải quyết về con chung sẽ yêu cầu giải quyết sau, với lý do: Trong quá trình giải quyết vụ án A T không đến Tòa án để giải quyết và tại giấy khai sinh của con chung cũng chưa cải chính bổ sung tên cha vào trong giấy khai sinh của con do A T không hợp tác. HĐXX xét thấy, việc rút yêu cầu giải quyết về con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết về nuôi con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con thì chị Y H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu nuôi con chung.

[2.3] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét về quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Y H là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định pháp luật và có đơn xin miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Do đó, miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Y H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 244; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y H được ly hôn anh A T.

2. Về con chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về nuôi con chung của chị Y H. Khi cần thiết, vì lợi ích của con thì chị Y H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Y H.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15*(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (26-9-2023*)* nguyên đơn có quyền gửi đơn kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *Sở Tư pháp tỉnh;*
- *VKSND h. Sa Thầy;*
- *Chi cục THADS h. Sa Thầy;*
- *UBND xã Rờ Kơi;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm